

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

- Ủy ban nhân dân huyện G; địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Đắc H – Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- UBND thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Mai Văn Đ; địa chỉ: huyện G, Quảng Trị(đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

+ Ông Mai Thanh Q; địa chỉ: Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị G; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị L; địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Ông Mai Thanh L; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Ông Mai Thanh T; địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: UBND huyện G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các đương sự:

- Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, người khởi kiện ông Hoàng Đức L, ông Trần Hữu T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về quyền sử dụng đất của ông Hoàng Đức L:

Năm 1997, ông L có đơn xin giao đất tại thị trấn C. Sau khi được Hội đồng tư vấn giao đất và UBND xã G xét đồng ý trình UBND huyện G. Ngày 21/2/1998, UBND huyện G ban hành Quyết định số 84/QĐ-UB về việc giao đất ở và đất vườn cho ông L diện tích 200m² có vị trí: Cạnh phía Đông giáp nương nước, cạnh phía Tây giáp đất ông Trần Hữu T, cạnh phía Bắc giáp đất khu dân

cư, cạnh phía Nam giáp đường xuyên Á.

Về quyền sử dụng đất của ông Trần Hữu T:

Năm 1997, ông T có đơn xin giao đất tại thị trấn C. Sau khi được Hội đồng tư vấn giao đất và UBND xã G xét đồng ý trình UBND huyện G. Ngày 21/2/1998, UBND huyện G ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB về việc giao đất ở và đất vườn cho ông Tâm diện tích 200m² có vị trí: Cạnh phía Đông giáp đất ông Hoàng Đức L, cạnh phía Tây giáp đường quy hoạch, cạnh phía Bắc giáp đất khu dân cư, cạnh phía Nam giáp đường xuyên Á.

Về thực hiện nghĩa vụ tài chính: Ông L và ông T đều nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất đã giao.

Về thời điểm phát hiện Quyết định hành chính trái pháp luật:

Năm 2020, ông L và ông T làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 thửa đất tại thửa số 61, tờ Bản đồ số 23 (trước đây tờ Bản đồ số 21). Ngày 24/3/2020, UBND thị trấn C có công văn số 89/UBND-NN và công văn số 90/UBND-NN về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L và ông T với lý do: Ông L, ông T có tên, nhưng không sử dụng đất và UBND huyện G cấp đất trước thời điểm đo đạc, quy chủ, lập Bản đồ địa chính xã G và hồ sơ địa chính lập năm 2001 không thể hiện chủ sử dụng đất và vị trí thửa đất của ông L, ông T. Hồ sơ tài liệu do các đơn vị cung cấp thì 02 thửa đất ông L và ông T không có trong danh sách thu hồi đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và tuyến giao thông chính ở bãi tắm 1, khu du lịch C.

Ông L và ông T tiếp tục khiếu nại thì phát hiện 02 thửa đất trên đã bị UBND huyện G ban hành quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 và quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 với mục đích thu hồi để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và các tuyến giao thông chính bãi tắm 1 đường giao thông chính bãi tắm 02 dịch vụ du lịch C thực hiện theo Quyết định 1699/QĐ-UBND ngày 01/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Hiện nay 02 thửa đất của ông L và ông T được giao theo Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 của UBND huyện G và Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 của UBND huyện G không còn. UBND tỉnh đã giao cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 01/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Trị. Sau đó, UBND huyện G ban hành quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 và quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 để thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Mai Văn Đố và UBND huyện G ban hành văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29/11/2021 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông L, ông T không chấp nhận nội dung kiến nghị làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, ông T đang quản lý đất đã được Nhà nước giao đất hợp pháp.

Vì vậy, ông L và ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tuyên hủy quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 và quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện G tỉnh Quảng Trị, trong đó có phần thu hồi 02 thửa đất của ông L và ông T.

+ Hủy bỏ Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29/11/2021 của UBND huyện G về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T.

+ Buộc UBND huyện G phải giao cho ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T 02 thửa đất có diện tích tương đương tại vị trí khác phù hợp để thay thế 02 thửa đất đã bị thu hồi.

- *Người bị kiện UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G trình bày:*

Hồ sơ xin giao đất của ông L và ông T không có hồ sơ lưu trữ, chỉ có Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/2/1998 về việc giao đất ở và đất vườn cho ông T và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/2/1998 về việc giao đất ở và đất vườn cho ông L. Theo hồ sơ địa chính năm 1998 đến nay không thể hiện ông L và ông T kê khai quyền sử dụng đất được giao năm 1998. Vị trí thửa đất của ông L và ông T được UBND huyện G giao đất tại các Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 không được đo đạc, chỉnh lý trên hồ sơ địa chính và các hồ sơ có liên quan. Giữa Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998, Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 kèm theo sơ đồ thực tế thay đổi nên không xác định được ngoài thực địa.

Sau khi được UBND huyện G giao đất, ông L và ông T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền sử dụng đất. Từ khi được giao đất cho đến nay, ông L và ông T không sử dụng đất. Khi ban hành các Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998, UBND huyện G không tiến hành bàn giao thực địa thửa đất cho ông L và ông T.

Theo vị trí thửa đất mà ông L và ông T xác định tại thực địa thì hiện nay đang do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị quản lý, sử dụng. Vị trí thửa đất này đã được UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định thu hồi đất số 1699/QĐ-UBND ngày 01/8/2005, giao đất tại quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 01/8/2005. Theo quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005, quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 thì 02 thửa đất của ông T và ông L không nằm trong danh sách thu hồi đất và không nằm trong khuôn viên tượng đài chiến thắng C. Vị trí này thuộc đất của ông Mai Văn Đ bị thu hồi và được bồi thường. Chủ tịch UBND huyện G căn cứ Điều 7 Quyết định 819/QĐ/UB ngày 25/7/1996 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định việc giao đất xây dựng nhà ở cho hộ gia đình chưa có nhà ở và có hộ khẩu địa phương để ban hành Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29/11/2021 về việc trả lời đơn không chấp nhận kiến

ngợi của ông L và ông T.

UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ Điều 6, khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, Điều 42, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 21, điểm d khoản 3 Điều 23, Điều 25, Điều 52, Điều 53, Điều 54 Luật đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Điều 101, khoản 3 Điều 105, Điều 166, Điều 167, Điều 168 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T.

- Hủy một phần Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của UBND huyện G về việc thu hồi diện tích 2.572m² của ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, trong đó có diện tích 200m² của ông Trần Hữu T được giao theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 21/02/1998 của UBND huyện G và diện tích 200m² của ông Hoàng Đức L được giao theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 21/02/1998 của UBND huyện G.

- Hủy Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29/11/2021 của UBND huyện G.

- Buộc UBND huyện G phải giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Đức L tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 21/02/1998 của UBND huyện G theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc UBND huyện G phải giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hữu T tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 21/02/1998 của UBND huyện G theo đúng quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L, ông Trần Hữu T về việc yêu cầu hủy quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện G.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng khác, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 07 – 9 – 2022 UBND huyện G kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không công nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị công nhận Công văn 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T không sử dụng đất trong vòng 12 tháng là vi phạm Điều 2 của Quyết định giao đất, không đăng ký kê khai diện tích đất và việc giao đất cho ông L, ông T không đúng đối tượng nên không thể chấp nhận yêu cầu giao đất mới (*đối tượng được giao đất là chưa có đất xây dựng nhà ở và có hộ khẩu tại địa phương; ông L ở thành phố Đ và ông T ở huyện C*). Văn bản 1910 không chấp nhận yêu cầu giao đất mới cho ông L và ông T là đúng vì các ông không sử dụng đất, không phải di chuyển chỗ ở, thực tế đất hiện nay đã được thu hồi từ năm 2005 để phục vụ cho mục đích công trình văn hóa công cộng. Văn bản 1910 xác định hướng thu hồi, hủy bỏ các Quyết định 82 và 84 nêu trên là phù hợp, thu hồi hủy bỏ vào thời điểm nào là thuộc thẩm quyền của Cơ quan giao đất trong trường hợp người được giao đất đã vi phạm điều kiện giao đất, khi thu hồi quyết định sẽ xử lý tiền sử dụng đất mà ông L và ông T đã nộp theo đúng quy định chung, hợp lý hợp tình.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, do lần thứ nhất hoãn vì có đương sự vắng mặt. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện G; việc rút một phần yêu cầu khởi

kiện trên là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện G là có căn cứ.

[2] Xác định nội dung yêu cầu khiếu nại và khởi kiện của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T.

Ngày 21-7-2020, ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T (ủy quyền cho Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị) làm văn bản gửi đến UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị xem xét cho chủ trương, giao UBND huyện G giao cho ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T 02 thửa đất khác phù hợp thay thế 02 thửa đất mà Nhà nước đang quản lý, sử dụng. Yêu cầu của Người khởi kiện thuộc các trường hợp cần phải xem xét là: bồi thường về đất bằng việc giao đất mới hoặc giao đất tái định cư.

Tại Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G có nội dung là không công nhận việc đề nghị giao cho ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T 02 thửa đất khác thay thế 02 thửa đất mà Nhà nước đang quản lý, sử dụng. Đồng thời giao cho các Cơ quan tham mưu UBND huyện ban hành các Quyết định hủy bỏ 02 quyết định giao đất cho ông L và ông T.

Ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G và Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của UBND huyện G.

[3] Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Ngày 21/02/1998, UBND huyện G ban hành Quyết định số 84/QĐ-UB quyết định thu hồi đất của xã G để giao đất xây dựng nhà ở và đất vườn cho ông L với diện tích 200m² có vị trí: Cạnh phía Đông giáp nương thoát nước, cạnh phía Tây giáp đất ông Trần Hữu T, cạnh phía Bắc giáp đất khu dân cư, cạnh phía Nam giáp đường xuyên Á.

Ngày 21/02/1998, UBND huyện G ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB quyết định thu hồi đất của xã G để giao đất xây dựng nhà ở và đất vườn cho ông T với diện tích 200m² có vị trí: Cạnh phía Đông giáp đất ông Hoàng Đức L, cạnh phía Tây giáp đường quy hoạch, cạnh phía Bắc giáp đất khu dân cư, cạnh phía Nam giáp đường xuyên Á.

Kèm theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 của UBND huyện G còn có sơ đồ giao đất được cán bộ địa chính đo vẽ ký tên và Phòng địa chính huyện G ký tên đóng dấu. Theo biên lai nộp tiền sử dụng đất ngày 20/02/1998 thì ông T nộp số tiền 240.000 đồng với diện tích 200m² đất ở, đất hạng 06 và theo Biên lai nộp tiền sử

dụng đất ngày 20/02/1998 thì ông L nộp số tiền 240.000đồng với diện tích 200m² đất ở, đất hạng 06.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và các tuyến giao thông chính bãi tắm khu dịch vụ - du lịch C, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 01/8/2005 thu hồi tổng thể 132.414m² đất tại xã G để giao cho Ban quản lý các khu du lịch tỉnh Quảng Trị xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và các tuyến giao thông chính bãi tắm 1 (thuộc khu dịch vụ - du lịch C) và giao UBND huyện G quyết định thu hồi đất và chỉ đạo Phòng tài nguyên và môi trường thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng hộ gia đình, cá nhân.

Trên cơ sở Quyết định số 1699/QĐ-UBND nêu trên, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và các tuyến giao thông chính bãi tắm 1, đường giao thông chính bãi tắm 2 dịch vụ - du lịch C, đã quyết định thu hồi 64.240,62m² đất tại xã G (nay thị trấn C), trong đó có danh sách thu hồi đất của vợ chồng ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị T tại thôn 3, xã G (nay khu phố 7, thị trấn C) với diện tích 2.572m² và ông Đ, bà T được bồi thường đất, hoa màu trên đất. Theo Sổ mục kê của UBND thị trấn C thì diện tích 2.572m² này được ông Đ, bà T kê khai năm 1999 thuộc thửa số 61 tờ bản đồ 21 có tổng diện tích 8492m² ghi tên sử dụng đất là ông Mai Văn Đ. Khi tiến hành kiểm kê thu hồi thì ông Đ đang là người sử dụng đất. Vị trí 02 thửa đất của ông L và ông T được UBND huyện G giao sử dụng theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 được xác định nằm trong thửa số 61 tờ bản đồ 21. Hiện nay, vị trí 02 thửa đất của ông L và ông T đang do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị quản lý. (Khu vực xây tượng đài của Hải quân)

[4] Xem xét yêu cầu hủy Văn bản 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G:

Văn bản 1910 của UBND huyện G xác định việc giao đất cho ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T là không đúng đối tượng. Thực tế, tại thời điểm 1998 thì ông L và ông T không thường trú tại xã G, huyện G; không có nhu cầu sử dụng đất để ở tại địa phương. Đồng thời, ông L đã được UBND tỉnh Quảng Trị giao 170m² đất tại thị xã Đ theo Quyết định 526/QĐ-UB ngày 24-4-1990. Như vậy, tại thời điểm giao đất cho ông L và ông T theo các Quyết định 82 và Quyết định 84 là không đúng đối tượng theo quy định tại Điều 7 của Quyết định 819/QĐ-UB ngày 25-7-1996 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Tại Điều 2 của Quyết định 82 và Quyết định 84 quy định: “*Quá 12 tháng*

kể từ ngày ký quyết định mà không xây dựng nhà Nhà nước sẽ thu hồi lại”. Ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T không sử dụng đất nên đã vi phạm điều kiện giao đất, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật đất đai 1993. Như vậy, trường hợp này Nhà nước có quyền thu hồi lại các quyết định giao đất hoặc thu hồi đất và việc thu hồi vào thời điểm nào là tùy thuộc vào quyền của Cơ quan đã giao đất.

Việc giao đất cho ông L và ông T là không đúng đối tượng, ông L và ông T không có nhu cầu ở nên không sử dụng đất, thực tế ông Mai Văn Đ đã kê khai đăng ký và sử dụng (thửa 61 tờ bản đồ 61). Từ đó, UBND huyện G không thu hồi đất mà xác định giao cho các Cơ quan tham mưu để tiến hành các thủ tục ra quyết định hủy bỏ các Quyết định giao đất là phù hợp. Thời điểm đất thu hồi là vào năm 2005, nên theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 38 và Điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai 2003 thì trường hợp không được bồi thường về đất. Ông L và ông T không sử dụng đất nên không thuộc trường hợp *“phải di chuyển chỗ ở”* nên yêu cầu *“giao 02 thửa đất nơi khác phù hợp”* của những người khởi kiện là không có cơ sở.

Văn bản 1910 chỉ giải quyết không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại là *“giao 02 thửa đất nơi khác phù hợp”* và xác định việc giao đất cho ông L và ông T tại các Quyết định 82 và Quyết định 84 không đúng đối tượng. Hiện nay, chưa có quyết định thu hồi, hủy bỏ các Quyết định giao đất 82 và 84 nêu trên. Do chưa thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất nên UBND huyện G cũng chưa quyết định xử lý tiền sử dụng đất mà ông L và ông T đã nộp, cũng như chưa xử lý các hậu quả khác (nếu có) khi thu hồi, hủy bỏ quyết định giao đất. Pháp luật về đất đai đã có quy định cụ thể về xử lý tiền sử dụng đất đã nộp, cho nên Bản án sơ thẩm quyết định buộc UBND huyện G phải giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L và ông T trong trường hợp này là không cần thiết. Khi nào Cơ quan hành chính nhà nước quyết định thu hồi, hủy bỏ các Quyết định giao đất, xử lý về tiền sử dụng đất đã nộp mà có khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Xem xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của UBND huyện G

Căn cứ theo Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 01/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện G ban hành quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiểu khu nhà ở và các tuyến giao thông chính bãi tắm 1, đường giao thông chính bãi tắm 2 dịch vụ - du lịch C, quyết định thu hồi 64.240,62m² đất tại xã G (nay thị trấn C), trong đó có danh sách thu hồi đất của vợ chồng ông Mai Văn Đ,

bà Nguyễn Thị T tại thôn 3, xã G (nay khu phố 7, thị trấn C) với diện tích 2.572m^2 và ông Đ, bà T được bồi thường đất, hoa màu trên đất. Trong phần diện tích 2.572m^2 của ông Đ, bà T bị thu hồi và được bồi thường thì được xem xét thẩm định là có vị trí 02 thửa đất của ông L và ông T được UBND huyện G giao sử dụng theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 và Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998. Việc thu hồi đất để phục vụ mục đích công cộng, phát triển kinh tế-xã hội.

Khi có quyết định giao đất nhưng thực tế ông L, ông T chưa được nhận đất trên thực địa, không đăng ký kê khai theo đúng quy định tại Điều 33 Luật đất đai 1993, nên không được cập nhật vào Sổ sách địa chính và Bản đồ địa chính. Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính năm 2001 thì toàn bộ phần đất theo các Quyết định giao đất của ông L và ông T nằm trên thửa số 61 tờ bản đồ 21 có diện tích 8492m^2 ghi tên sử dụng đất là ông Mai Văn Đ. Khi thu hồi đất vào năm 2005 thì ông Đ có tên trong Sổ địa chính và là người đang sử dụng đất nên đã lập thủ tục đầy đủ và công khai để thu hồi đất của ông Đ và đã bồi thường theo quy định xong. Thời điểm thu hồi này không có khiếu nại, khiếu kiện của ông L và ông T.

Do xác định việc giao đất cho ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T là không đúng đối tượng và không sử dụng đất, không kê khai đăng ký; thuộc trường hợp thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất; nên Quyết định thu hồi đất số 2151/QĐ-UBND ngày 15 - 8 - 2005 của UBND huyện G Linh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Hoàng Đức L và Trần Hữu T.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp thuận quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; chấp nhận kháng cáo, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T về việc hủy một phần Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15 - 8 - 2005 và hủy Văn bản 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được sửa lại như sau: người khởi kiện ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm do đều là người cao tuổi. UBND huyện G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 173 và điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 33 của Luật Đất đai 1993; khoản 5, khoản 6 Điều 38 và điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 43 của Luật Đất đai 2003; Điều 35 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Điều 7 của Quyết định 819/QĐ-UB ngày 25-7-1996 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T, về các nội dung:

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15-8-2005 của UBND huyện G về việc thu hồi diện tích 2.572m² của ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị T (trong đó có diện tích 200m² của ông Trần Hữu T được giao theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 21/02/1998 của UBND huyện G và diện tích 200m² của ông Hoàng Đức L được giao theo Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 21/02/1998 của UBND huyện G).

- Yêu cầu hủy Văn bản số 1910/UBND-NC ngày 29-11-2021 của UBND huyện G.

- Yêu cầu buộc UBND huyện G phải giao cho ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T 02 thửa đất có diện tích tương đương tại vị trí khác phù hợp để thay thế 02 thửa đất đã bị thu hồi.

2.2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức L, ông Trần Hữu T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19-8-2005 của UBND huyện G.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 4.204.000đồng. (ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T đã nộp tại giai đoạn xét xử sơ thẩm).

Ông Hoàng Đức L và ông Trần Hữu T được miễn án phí hành chính sơ thẩm, ông Hoàng Đức L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ

thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000055 ngày 18-02-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân huyện G số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000149 ngày 28-9-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS ND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long